CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/BHC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ:	SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Điện thoại:	1800 599 900
E-mail:	bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn
Mã số doanh nghiệp	3600495818

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Theo giấy chứng nhận còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất sản phẩm đề cập tại mục II.5.3.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm:

ĐƯỜNG BAKING GV

2. Thành phần:

- Đường tinh luyện: 99,55 %.
- Dioxyd Silic vô định hình_INS (551): 0,45 %

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 25 kg
- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói trong 2 lớp bao bì, PE bên trong và bên ngoài giấy kraft. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định Bộ Y tế.

5. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA.

Địa chỉ: Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở: Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số giấy chứng nhận: 035/2025/SNNMT-TNI, nơi cấp Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Tây Ninh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Vi sinh:** Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng vi khuẩn hiếu khí	Cfu/g	≤ 1000
2	Tổng số nấm men, nấm mốc	Cfu/g	≤ 100

3. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

4.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng bột mịn, tơi khô, không vón cục.
- Mùi vị: Vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Màu trắng.

4.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	%	≤ 1,0
2	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤ 1,0

4.3 Thông tin dinh dưỡng/100g: Theo thông tư Số: 29/2023/TT-BYT – thông tư hướng dẫn nội dung cách ghi thành phần dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Gía trị trung bình
1	Năng lượng	Kcal/100g	384
2	Hàm lượng Cacbohydrate tổng	g/100g	96,0

3	Đường tổng số	g/100g	96,0

4.4 Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Sunphua Dioxit (SO_2)	mg/kg	< 10

5. **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để chế biến các loại bánh và món tráng miệng.
6. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy trình của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600495818-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Bình Ninh



Nguyễn Bình Ninh

130 mm

120 mm

ĐƯỜNG BAKING GV

Thành phần: Đường tinh luyện (99,55 %), Dioxyd Silic vô định hình - INS (551) (0,45 %)

Thông tin dinh dưỡng: Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g

Năng lượng: 384 Kcal | **Carbohydrat:** 96 g | **Đường tổng số:** 96 g

Ngày sản xuất: Được in trên bao bì

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chế biến các loại bánh và món tráng miệng

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh nắng trực tiếp, nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm sẽ bị vón cục nhanh sau khi mở bao bì, không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.

Sản phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Website: www.ttcagris.com.vn

Hotline: 1800 599 900

Khối lượng tịnh: 25 kg

VUI LÒNG NHẸ TAY

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 27 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Fax: *0251.3836213*

Email: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẶNG HUỲNH ỨC MY Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *12/12/1981* Dân tộc: *Hoa* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079181030713*

Ngày cấp: *08/07/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 31763 quyển số 6 - SCT/BS
Ngày 04 - 11 - 2024
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH ĐA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thảo

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Hoàng Huynh

Bureau Veritas Certification

Giấy chứng nhận cấp cho

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

COID - VNM-1-6756-908057

Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận rằng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức trên đã được đánh giá và xác định tuân thủ các yêu cầu của:

Tiêu chuẩn

FOOD SAFETY SYSTEM CERTIFICATION 22000 - FSSC 22000

Chương trình chứng nhận cho hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, bao gồm các yếu tố sau:

ISO 22000:2018

ISO TS 22002-1:2009 Các chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm Phần 1: Sản xuất thực phẩm

Và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 V5.1

Giấy chứng nhận này áp dụng cho phạm vi

SẢN XUẤT ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TINH LUYỆN, ĐƯỜNG TRẮNG, ĐƯỜNG PHÈN, ĐƯỜNG LỎNG, ĐƯỜNG MÍA LỎNG, ĐƯỜNG VIÊN, ĐƯỜNG THANH, ĐƯỜNG NÂU, ĐƯỜNG ĐEN, ĐƯỜNG TRỘN, ĐƯỜNG KHOÁNG CHẤT VÀ MẬT (NƯỚC MÀU)

ĐÓNG GÓI ĐƯỜNG NÂU, ĐƯỜNG ĐEN VÀ ĐƯỜNG ĂN KIÊNG

FSSC – Danh mục Chuỗi Thực phẩm **CIV - Chế biến các sản phẩm lưu trữ ở nhiệt độ thường**

FSSC - Ngày chứng nhận ban đầu:	**24-02-2014**
Ngày hết hạn chu kì trước:	**26-02-2023**
Ngày quyết định chứng nhận:	**23-02-2023**
Ngày bắt đầu chu kì chứng nhận:	**23-02-2023**
Dựa trên sự vận hành thỏa mãn liên tục của Hệ Thống Quản lý của tổ chức, Giấy Chứng Nhận có hiệu lực đến ngày:	**26-02-2026**
Số giấy chứng nhận/Phiên bản:	**VN010212 - 1**
Số hợp đồng:	**17586483**
Ngày cấp:	**23-02-2023**

Duyệt

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm

Đã ký thay mặt cho BVCH SAS Chi nhánh UK

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS
0008

FSSC 22000

Địa chỉ tổ chức chứng nhận: 66 Prescot Street, London E1 8HG, United Kingdom
Văn phòng tại Việt Nam: Tầng 4, Tòa nhà Etown 1, Số 364 đường Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thông tin chi tiết hơn về phạm vi chứng nhận và việc áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý có thể có được thông qua việc thảo luận với tổ chức nói trên.
Giấy chứng nhận này vẫn là tài sản của Bureau Veritas Certification Holding SAS chi nhánh UK
Hiệu lực của giấy chứng nhận này có thể được xác minh trong cơ sở dữ liệu FSSC 22000 của tổ chức được chứng nhận có sẵn trên http://www.fssc22000.com

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC,Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00484BTP5	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	06/02/2025 Page 01/06

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **ĐƯỜNG BAKING GV**

2. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.* Xem hình trang/ *See photograph on page* 06/06.

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 22/01/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 23/01/2025 – 06/02/2025

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page* 02-05/06

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC,Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc Dist, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00484BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan(*)/ *Sensory test*	QTTN/KT3 234 : 2019		-	
• Trạng thái/ *State*				Dạng bột, tơi khô, không vón cục *Powder, dry, no curdle*
• Màu sắc/ *Color*				Trắng/ *White*
• Mùi vị/ *Odor & taste*				Đặc trưng của sản phẩm *Characteristic*
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % *Sucrose content (m/m)*	QUATEST3 1222:2024		-	96,9
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % *Reducing sugars content (m/m)*	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA		-	$3,30 \times 10^{-2}$
7.4. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	$4,50 \times 10^{-2}$
7.5. Cỡ hạt tính theo khối lượng, % *Particle size (m/m)*	GS 2/9-37 (2007) ICUMSA		-	
• Qua rây / *Through* 0,15 mm				96,3
7.6. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA		-	0,49
7.7. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007			
• B1		0,25		Không phát hiện *Not detected*
• B2		0,25		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 651 e Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00484BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• G1		0,25		Không phát hiện *Not detected*
• G2		0,25		Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064:2016	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.12. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện *Not detected*
7.13. Năng lượng(*)/ *Calories*	QTTN/ KT3 024 : 2018		-	
• kcal/100 g				399
7.14. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g *Carbohydrate content*	QTTN/KT3 317:2022		-	99,8
7.15. Hàm lượng đường tổng số(1), g/100 g *Total sugars content*	QUATEST3 1222:2024		-	96,9
7.16. Hàm lượng béo, g/100 g *Fat content*	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.17. Hàm lượng protein, g/100 g *Protein content*	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method		0,1	Không phát hiện *Not detected*
7.18. Hàm lượng natri, mg/100 g *Sodium content*	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	1,30		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00484BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.19. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		$8,0 \times 10^0$
7.20. Tổng số nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1(2) *Less than*
7.21. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1(2) *Less than*
7.22. Thử nghiệm GMO/ *GMO Testing* Phát hiện DNA thực vật dựa vào gen actin Phương pháp Real time PCR *Detection of actin gene (actin gene) Real-time PCR technique*	QTTN/KT3 287:2021 Real time PCR	10 copies		Không phát hiện *Not detected*
7.23. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg *Pesticide content*				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Azinphos-methyl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00484BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/02/2025

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of Detection*	Phạm vi đo/ *Range of measurement* (≥)	Kết quả thử nghiệm *Test result*
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Lambda -Cyhalothrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Cypermethrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05		Không phát hiện *Not detected*
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện *Not detected*
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện *Not detected*
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025		Không phát hiện *Not detected*
7.24. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % *Conductivity ash content (m/m)*	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA		-	$8{,}00 \times 10^{-3}$

Ghi chú/ *Notes*: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(1): Hàm lượng đường tổng số / *Total sugars content* (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose + galactose)

(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC,Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.